

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

**Tên chương trình** : Đào tạo cử nhân sư phạm Giáo dục mầm non

**Trình độ đào tạo** : Đại học

**Ngành đào tạo** : Giáo dục mầm non

**Loại hình đào tạo** : Chính quy

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 129 /QĐ-ĐHHV-ĐT ngày 28 tháng 01 năm 2010  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương)*

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo giáo viên mầm non trình độ đại học có lập trường chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt; có tác phong sư phạm mẫu mực; nắm vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành, có khả năng phát hiện, giải quyết các vấn đề thông thường thuộc chuyên ngành khoa học giáo dục mầm non.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

##### 1.2.1. Về phẩm chất đạo đức

Có phẩm chất cơ bản của người giáo viên nhà trường XHCN Việt Nam. Thấm nhuần thể giới quan Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, yêu CNXH, có tinh thần trách nhiệm cao, có đạo đức, tác phong mẫu mực của người giáo viên.

##### 1.2.2. Về kiến thức

- Hiểu biết về kiến thức giáo dục đại cương để vận dụng một cách sáng tạo vào thực tiễn Giáo dục mầm non.

- Nắm vững hệ thống kiến thức khoa học Giáo dục mầm non ở trình độ đại học để thực hiện tốt công tác chuyên môn.

- Hiểu biết đầy đủ mục tiêu, nội dung, chương trình Giáo dục mầm non, phương pháp tổ chức, đánh giá các hoạt động giáo dục và sự phát triển của trẻ em ở các cơ sở Giáo dục mầm non.

##### 1.2.2. Về kỹ năng

- Biết lập kế hoạch và giáo dục trẻ trên tất cả các mặt sức khỏe, văn hoá, thẩm mỹ. Thành thực những kỹ năng tổ chức, hướng dẫn giờ học, vui chơi, xây dựng mối quan hệ giữa nhà trường và gia đình, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cho trẻ vào lớp 1.

- Có năng lực nghiên cứu khoa học Giáo dục mầm non, đi sâu nghiên cứu một số hướng chuyên chọn nâng cao để có thể giảng dạy tại các khoa sư phạm mầm non ở các trường Cao đẳng sư phạm hoặc Trung cấp sư phạm.

Đào tạo giáo viên mầm non trình độ đại học có lập trường chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt; có tác phong sư phạm mẫu mực; nắm vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực

hành, có khả năng phát hiện, giải quyết các vấn đề thông thường thuộc chuyên ngành khoa học giáo dục mầm non.

**2. Thời gian đào tạo:** 4 năm

**3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 135 tín chỉ

Chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất (150 tiết) và Giáo dục Quốc phòng và an ninh (165 tiết).

**4. Đối tượng tuyển sinh:**

Học sinh tốt nghiệp THPT, Bổ túc THPT, Trung cấp chuyên nghiệp hoặc tương đương.

**5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

Theo quy chế ban hành tại Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**6. Thang điểm**

Theo quy chế ban hành tại Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**7. Nội dung chương trình**

S TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Điều kiện tiên quyết
				LT	BT, TL	TH	Tự học	
<b>7.1. Kiến thức giáo dục đại cương (GDĐC)</b>			<b>45</b>					
<b>7.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc</b>			<b>39</b>					
1	LC1501	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	5	50	25		150	
2	LC1202	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	10		60	1
3	LC1303	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	30	15		90	1; 2
4	NN1301	Tiếng Anh (1)	3	45			90	
5	NN1202	Tiếng Anh (2)	2	30			60	4
6	NN1203	Tiếng Anh (3)	2	30			60	5
7	TC1007	Giáo dục thể chất	150t					
8	QP1008	Giáo dục Quốc phòng và an ninh	165t					
9	TI1201	Tin học cơ sở	2	15		15	60	
10	VN1251	Cơ sở văn hoá Việt Nam 1	2	20	8	2	60	
11	MN1201	Văn học dân gian	2	25		5	60	
12	LC1207	Pháp luật đại cương	2	20	10		60	
13	VN1209	Mỹ học đại cương	2	20	5	5	60	
14	MN1202	Tiếng Việt	2	25		5	60	
15	TG1205	Tâm lý học đại cương	2	25	3	2	60	

16	TG1206	Giáo dục học đại cương	2	24	4	2	60	
17	TG1203	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục	2	26	3	1	60	
18	SH1203	Môi trường và con người	2	20	10		60	
19	LC1204	Lôgic học đại cương	2	20	10		60	
<b>7.1.2. Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn</b>			<b>6</b>					
<i>(Chọn 3 trong 5 học phần)</i>								
20	TG1212	Giao tiếp sư phạm	2*	16	4	10	60	
21	ĐL1219	Địa lý đại cương	2*	26		4	60	
22	NV1204	Ngôn ngữ học đại cương	2*	25		5	60	
23	NV1206	Ngữ âm	2*	25		5	60	
24	TG1219	Tổ chức các hoạt động theo hướng tích hợp	2*	20	3	7	60	
<b>7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>			<b>90</b>					
<b>7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>			<b>24</b>					
25	TG2204	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	23	4	3	60	
26	MN2303	Tiếng Việt thực hành	3	40		5	90	
27	MN2304	Toán cơ sở	3	40		5	90	
28	TG2213	Tâm lý học trẻ em 1	2	26	3	1	60	
29	TG2214	Tâm lý học trẻ em 2	2	24	4	2	60	
30	TG2215	Giáo dục học trẻ em 1	2	26	3	1	60	
31	TG2216	Giáo dục học trẻ em 2	2	24	4	2	60	
32	MN2229	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	2	10		20	60	
33	MN2405	Âm nhạc	4	30		30	120	
34	TG2218	Quản lý giáo dục mầm non	2	25	3	2	60	
<b>7.2.2. Kiến thức ngành</b>			<b>51</b>					
<i>a) Kiến thức ngành bắt buộc</i>			<b>45</b>					
35	MN2306	Lý luận văn học và văn học trẻ em	3	40	5		90	
36	SH2307	Sinh lý học trẻ em	3	40	5		90	
37	MN2407	Dinh dưỡng trẻ em	4	45		15	120	
38	MN2208	Bệnh trẻ em	2	25		5	60	
39	MN2209	Múa và phương pháp dạy múa	2	10		20	60	
40	MN2410	Vệ sinh trẻ em	4	55		5	120	
41	MN2311	Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	3	40		5	90	
42	MN2212	Phương pháp phát triển ngôn ngữ	2	25		5	60	
43	MN2313	Phương pháp hình thành các biểu tượng toán cho trẻ	3	40		5	90	
44	MN2314	Phương pháp cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh	3	40		5	90	
45	MN2315	Phương pháp giáo dục âm nhạc	3	40		5	90	
46	MN2416	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình	4	55		5	120	

47	MN2317	Phương pháp giáo dục thể chất	3	35		10	90	
48	MN2418	Mỹ thuật	4	40		20	120	
49	MN2219	Đồ chơi	2	15		15	60	
<b>b) Kiến thức ngành tự chọn</b>			<b>6</b>					
<i>(Chọn 3 trong 5 học phần)</i>								
50	MN2220	Thực tế trường mầm non	2*	10		20	60	
51	MN2221	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	2*	25		5	60	
52	MN2222	Biên đạo múa cho trẻ mầm non theo chủ đề	2*	15		15	60	
53	MN2223	Dinh dưỡng sức khỏe và phát triển vận động cho trẻ mầm non theo hướng tích hợp	2*	25		5	60	
54	MN2224	Phát triển ngôn ngữ theo hướng tích hợp	2	25		5	60	
<b>7.2.3. Thực tập, khóa luận tốt nghiệp</b>			<b>15</b>					
55	MN2325	Thực tập sư phạm 1	3					
56	MN2526	Thực tập sư phạm 2	5					
57	MN2727	Khóa luận tốt nghiệp	7					
<b>Học phần chuyên môn thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>								
58	TG2326	Tâm lí học trẻ em và giáo dục học trẻ em	3	45			90	
59	MN2428	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	4	45		15	120	
<b>Cộng:</b>			<b>135</b>					

**HIỆU TRƯỞNG**

*(đã ký)*

**PSG.TS Cao Văn**